

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH (1) TÍNH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG 10 NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số

/BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Tu Mơ Rông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DƯ NGUỒN ĐẾN 31/12/2021	THỰC HIỆN NĂM 2022 (TÍNH ĐẾN NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2022)										
			Tổng nguồn thu phát sinh trong năm (2)					Tổng số sử dụng trong năm (3)					Chênh lệch nguồn trong năm
			Tổng số	Tr.đó thu hỗ trợ từ NSNN (nếu có)	Thu trả nợ vay, hoàn ứng	thu viện trợ, tài trợ, ủng hộ	thu khác (lãi tiền gửi, cho vay, phí ứng vốn, ...)	Tổng số	Tr.đó Bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	chi cho vay, ứng vốn	chi hoạt động cho bộ máy (bao gồm nghĩa vụ NSNN, ...)	chi thực hiện nhiệm vụ viện trợ, tài trợ, hỗ trợ	
A	B	1	2	2a	2b	2c	2d	3	3a	3b	3c	3d	4=2-3
Tổng số		4,948.1	2,427.5	40.0	0.0	669.1	0.0	3,820.1	0.0	0.0	21.6	678.5	-1,392.6
1	Quỹ Khuyến học	-	40.0	40.0				21.6			21.6		18.4
2	Tiền DVMTR của UBND cấp xã quản lý	4,554.7	2,350.0					3,120.0					-770.0
3	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	207.2	8.3			8.3		28.5				28.5	-20.2
4	Quỹ Vì người nghèo	181.3				660.8		650.0				650.0	(650.00)
5	Quỹ Bảo trợ trẻ em	1.9											-
6	Quỹ Phòng, chống thiên tai	3.0	29.2										29.2

Ghi chú:

(1) Không bao gồm các quỹ do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

(2) Phạm vi bao gồm vốn thu hồi nợ vay, NSNN cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính quỹ.

(3) Phạm vi bao gồm cho vay đầu tư; hỗ trợ lãi suất; tài trợ không hoàn lại; chi tài chính Quỹ, bao gồm cả chênh lệch thu lớn hơn chi Quỹ (nếu có)